

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

ngày 11/05/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Tuyết Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Điền – Kiểm sát viên.

Ngày 11/05/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Hữu T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: KDC số 2 Thôn Đông An H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: KDC số 2 Thôn Đông An H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N- Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Địa chỉ: Thôn Tây An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/21/2021, qua bản tự khai, biên bản kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Hữu T trình bày như sau:*

Trước đây anh và chị Trần Thị Th có tìm hiểu, sau đó đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006. Sau thời gian chung sống vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H ngày 25 tháng 8 năm 2011, Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Trong quá trình chung sống từ năm 2019 đến nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là chị Th ham mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, lo lắng, chăm sóc cho các con. Anh T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Th không nghe vẫn chứng nào tật ấy. từ đó vợ chồng thường hay cãi vả nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay anh T xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được. Nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Thị H, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Dương Chí H, sinh ngày 29/11/2012, hiện các cháu đang ở với anh T, nếu ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi 2 con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Chính sách xã (tại phòng giao NHCSXH huyện Lý Sơn) 2 lần vay. Lần 1 vay vào ngày 18/11/2020 với số tiền 50.000.000đ theo Sổ vay vốn có mã số 3500062042, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn là 60 tháng, hạn trả cuối vào ngày 18/11/2025. Lần 2 vay vào ngày 18/11/2020 với số tiền 20.000.000đ theo Sổ vay vốn có mã số 3500062042, lãi suất 9%/năm, thời hạn là 60 tháng, hạn trả cuối vào ngày 18/11/2025. Tổng cộng hai khoản nợ là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Anh T đồng ý nhận nợ và đã viết cam kết với ngân hàng là chịu trách nhiệm trả khoản nợ gốc trên cho Ngân hàng chính sách xã hội và tiền lãi suất sinh cho đến khi trả xong hai khoản nợ trên theo Sổ vay vốn có mã số 3500062042, ngày 18/11/2020, Ngân hàng Chính sách xã hội đồng ý. Do đó, Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện về khoản nợ trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, biên bản kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn chị Trần Thị Th trình bày như sau:*

Như lời trình bày của anh T về tình trạng hôn nhân, về con chung là đúng, vợ chồng kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

An H, huyện L năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng không hợp nhau, có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, có thể hàn gắn được, hiện tại vợ chồng không sống chung với nhau. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị Th không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Thị H, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Dương Chí H, sinh ngày 29/11/2012, hiện các cháu đang ở với ông T. Nếu ly hôn, chị Th đồng ý giao cháu Dương Chí H, sinh ngày 29/11/2012 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Dương Thị H, sinh ngày 04/11/2007 chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khoản nợ của ngân hàng chính sách xã hội theo như lời của anh Tài trình bày là đúng. Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội (tại phòng giao NHCSXH huyện Lý Sơn) hai khoản nợ tổng số tiền 70.000.000đ để làm nhà bếp. Nay anh T nhận nợ và tự chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội khoản nợ trên. Nếu ly hôn, chị Th đồng ý để anh T trả nợ, không có ý kiến gì.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản trình bày, biên bản kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải của người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày như sau:*

Vợ chồng anh Dương Hữu T, chị Trần Thị Th có vay của Ngân hàng Chính sách xã (tại phòng giao NHCSXH huyện Lý Sơn) với 2 lần vay. Lần 1 vay vào ngày 18/11/2020 với số tiền 50.000.000đ theo Sổ vay vốn có mã số 3500062042, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn là 60 tháng, hạn trả cuối vào ngày 18/11/2025. . Lần 2 vay vào ngày 18/11/2020 với số tiền 20.000.000đ theo Sổ vay vốn có mã số 3500062042, lãi suất 9%/năm, thời hạn là 60 tháng, hạn trả cuối vào ngày 18/11/2025. Tổng cộng hai khoản nợ là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) đến nay chưa trả. Ngày 14/04/2022 anh T đã đến Ngân hàng làm cam kết tự chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Do đó, cùng ngày 14/04/2022 Ngân hàng Chính sách xã hội đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về khoản nợ nêu trên đối với vợ chồng anh T, chị Th.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn, đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Hữu T đối với chị Trần Thị Th. Về con chung đề nghị giao hai cháu Dương Thị H và Dương Chí H cho anh Dương Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xét.

Về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ của vợ chồng anh T, chị Th, căn cứ Điều 217, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Dương Hữu T có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề về con chung, nợ chung đối với bị đơn chị Trần Thị Th, trú tại: Thôn Đông An H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 23/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu độc lập yêu cầu vợ chồng anh T, chị Th phải trả khoản nợ đã vay cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: An Dương Hữu T và chị Trần Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi ngày 25/8/2011, là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T và chị Th đều thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An H cho rằng anh T làm nghề biển thương hay đi biển, chị Th ở nhà không chí thú làm ăn, chăm lo cho các con mà ham mê cờ bạc rồi bỏ bê con không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho các con, anh T đã nhiều lần khuyên

bảo mà chị Th không nghe. Do đó, vợ chồng thường hay cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Về phía Tòa án đã cố gắng nhiều lần hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng anh T, chị Th nhưng chị Th chỉ có mặt một lần và việc hòa giải đoàn tụ không thành do anh T cương quyết ly hôn; còn những lần hòa giải sau chị Th vắng mặt không có lý do, nghĩa là chị Th bỏ mặt cho sự việc ra sao cũng được (đoàn tụ hay ly hôn chị Th đều không có ý kiến gì). Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị Th là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Hữu T.

[2.2] Về con chung: Anh Dương Hữu T và chị Trần Thị Th có 02 con chung là cháu Dương Thị H, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Dương Chí H, sinh ngày 29/11/2012, hiện tại các cháu đang ở với anh T. Nguyên vọng của các cháu Dương Thị H và Dương Chí H là được ở với anh Dương Hữu T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th yêu cầu được nuôi cháu Dương Thị H, còn anh Tài yêu cầu được nuôi cả 02 cháu H và H. Tòa án đã hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Mặt khác, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An H cho rằng anh T làm nghề biển có thu nhập ổn định, còn chị Th không có nghề nghiệp ổn định, cũng như trong thời gian chung sống chị Th ít quan tâm, chăm sóc các con cho nên khi hỏi đến nguyên vọng của các con đều thống nhất ở với anh T; ngược lại nếu người mẹ thường hay quan tâm, chăm sóc, gần gũi các con thì khi hỏi đến nguyên vọng ở với ai thì các con sẽ giành cho mẹ nhiều hơn. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao 02 cháu H và H cho anh Dương Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Qua phiên hòa giải anh T, chị Th đều thừa nhận vợ chồng còn nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội hai khoản nợ gốc tổng cộng là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi. Anh T đã đến Ngân hàng viết cam kết là tự chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng. Do đó, ngày 14/04/2022 Ngân hàng Chính sách xã hội đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về khoản nợ trên đối với anh T, chị Th, việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội

[2.5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Hữu T về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn”*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hữu T được ly hôn chị Trần Thị Th.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Dương Thị H, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Dương Chí H, sinh ngày 29/11/2012 cho anh Dương Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Trần Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Về án phí: Anh Dương Hữu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000862 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- Phòng Tư pháp H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Thu**

